



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

Thành viên của PrimeGlobal

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ
TRƯỜNG HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh) theo Quyết định số 6500/QĐ-UBND ngày 23/12/2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004971 ngày 04/07/2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 12 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 18/10/2017 với mã số doanh nghiệp là 0301325347.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 21/12/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 63/TTGDHN – ĐKGD ngày 06/12/2006 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là STC.

Công ty có 1 Công ty con và 3 đơn vị trực thuộc:

- **Công ty con:** Công ty Cổ phần Giáo dục An Đông
- **Các đơn vị trực thuộc:**
 - ✓ Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh - Xí nghiệp đồ dùng dạy học;
 - ✓ Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (Tại Khu Công nghiệp Sóng Thần 3 - Bình Dương);
 - ✓ Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (Tại 104/5 Mai Thị Lựu, Phường Đa Kao; Quận 1; TP. Hồ Chí Minh).

Vốn điều lệ: 56.655.300.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến thời điểm 31/12/2021: 56.655.300.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84) 028.8554645 - 028.8553118
- Fax: (84) 028.8564307
- Website: www.stb.com.vn

Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất và cung ứng các thiết bị trường học và đồ dùng dạy học;
- Mua bán sách giáo khoa; Mua bán tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự và an toàn xã hội), dụng cụ thể dục thể thao (trừ kinh doanh súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ);
- In sách giáo khoa học sinh và các loại ấn phẩm nhà trường; In nhãn hiệu bao bì;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Sản xuất tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ (không chế biến gỗ, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn; xi mạ điện; tái chế phế thải tại trụ sở);
- Sản xuất đồ chơi trẻ em;
- Sản xuất phim video;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Mua bán thiết bị nghe nhìn, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm vi tính;
- Giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Đào tạo nghề;
- Cho thuê văn phòng;
- Giáo dục mầm non.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 266 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 19 người. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|--------------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Nguyễn Chí Bính | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 19/06/2020 |
| • Ông Từ Trung Đan | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 19/06/2020 |
| • Ông Đỗ Thành Lâm | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 19/06/2020 |
| • Ông Nguyễn Văn Cung | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 19/06/2020 |
| • Bà Huỳnh Thị Bích Hạnh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 19/06/2020 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|-------------------------|------------|------------------------------|
| • Bà Bùi Thị Ánh Tuyết | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 19/06/2020 |
| • Bà Nguyễn Thị Nhớ | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 19/06/2020 |
| • Bà Đào Thị Thanh Thủy | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 19/06/2020 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|--------------------------|-------------------|------------------------------|
| • Ông Từ Trung Đan | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 30/06/2020 |
| • Ông Phan Xuân Hiến | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 30/06/2020 |
| • Bà Đỗ Thị Thanh Bình | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 30/06/2020 |
| • Bà Huỳnh Thị Bích Hạnh | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 30/06/2020 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 236.3655886; Fax: (84) 236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Tư Trung Đan

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2022



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 306 /2022/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 16/03/2022 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 6 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 3, Báo cáo tài chính đính kèm là Báo cáo tài chính năm 2021 của riêng Công ty mẹ. Báo cáo tài chính này cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 để người sử dụng có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 03 năm 2022

Nguyễn Văn Thiện – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3108-2020-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo Thông tư

số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		187.503.475.388	141.413.708.547
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	15.729.460.569	57.444.947.316
1. Tiền	111		15.729.460.569	12.393.002.221
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	45.051.945.095
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		85.939.439.901	41.405.398.988
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	85.977.206.262	40.446.377.551
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	287.518.480	1.444.330.652
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	9.837.457	80.986.075
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(335.122.298)	(566.295.290)
IV. Hàng tồn kho	140	10	85.082.270.861	41.546.565.488
1. Hàng tồn kho	141		87.628.893.741	42.254.750.030
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.546.622.880)	(708.184.542)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		752.304.057	1.016.796.755
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	16.a	752.304.057	1.016.796.755
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		48.174.150.961	50.349.471.114
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		12.000.000	12.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216		12.000.000	12.000.000
II. Tài sản cố định	220		28.460.688.807	29.649.478.520
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	28.205.395.792	29.172.005.517
- Nguyên giá	222		62.314.769.359	59.975.073.859
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(34.109.373.567)	(30.803.068.342)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	255.293.015	477.473.003
- Nguyên giá	228		696.540.000	696.540.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(441.246.985)	(219.066.997)
III. Bất động sản đầu tư	230	13	6.491.976.623	6.762.293.987
- Nguyên giá	231		7.974.362.168	7.974.362.168
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.482.385.545)	(1.212.068.181)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		593.636.364	903.636.364
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	593.636.364	903.636.364
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	3.250.000.000	3.250.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		2.760.000.000	2.760.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		490.000.000	490.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		9.365.849.167	9.772.062.243
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16.b	9.365.849.167	9.772.062.243
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		235.677.626.349	191.763.179.661

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		109.261.575.349	71.475.953.582
I. Nợ ngắn hạn	310		109.238.075.349	71.475.953.582
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	53.091.928.280	31.650.888.162
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		631.337.152	1.484.119.082
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	4.853.816.092	1.836.186.575
4. Phải trả người lao động	314		31.375.892.205	22.404.371.438
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	5.547.775.422	5.084.721.672
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	824.568.522	637.900.957
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		12.912.757.676	8.377.765.696
II. Nợ dài hạn	330		23.500.000	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337		23.500.000	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		126.416.051.000	120.287.226.079
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	126.416.051.000	120.287.226.079
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	56.655.300.000	56.655.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		56.655.300.000	56.655.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	21	13.761.696.224	13.761.696.224
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414	21	6.476.325.962	6.476.325.962
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	41.590.986.814	36.028.714.893
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	7.931.742.000	7.365.189.000
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.931.742.000	7.365.189.000
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		235.677.626.349	191.763.179.661



Tổng Giám đốc
Trần Trung Đan

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2022

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập biểu

Võ Thị Ngọc Hoanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	23	513.135.016.332	470.894.329.678
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	7.170.406.645	1.806.863.060
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		505.964.609.687	469.087.466.618
4. Giá vốn hàng bán	11	25	398.562.155.078	364.254.396.509
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		107.402.454.609	104.833.070.109
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	883.123.805	1.411.983.494
7. Chi phí tài chính	22	27	419.751.687	16.698.601
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		241.827.959	19.491.780
8. Chi phí bán hàng	25	28.a	52.997.273.161	49.145.920.986
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28.b	34.752.161.978	38.755.091.276
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		20.116.391.588	18.327.342.740
11. Thu nhập khác	31	29	793.641.225	573.215.315
12. Chi phí khác	32		26.087.474	2.242.784
13. Lợi nhuận khác	40		767.553.751	570.972.531
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		20.883.945.339	18.898.315.271
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	2.142.259.338	1.894.660.452
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		18.741.686.001	17.003.654.819



Tổng Giám đốc

Trần Trung Đan

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập biểu

Võ Thị Ngọc Hoanh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	20.883.945.339	18.898.315.271
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02 11,12,13	3.798.802.577	3.584.746.116
- Các khoản dự phòng	03	1.607.265.346	196.152.019
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	113.617	200.941
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(864.909.020)	(1.064.532.831)
- Chi phí lãi vay	06	241.827.959	19.491.780
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08	25.667.045.818	21.634.373.296
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(44.748.352.061)	(8.401.417.661)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10 10	(45.374.143.711)	(4.855.269.198)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	32.391.028.159	33.025.743.417
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12 16	580.705.774	(753.178.684)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(241.827.959)	(19.491.780)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15 18	(1.282.917.710)	(1.747.722.720)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	107.000.000	133.900.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(819.680.100)	(4.394.588.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(33.721.141.790)	34.622.348.270
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(1.567.795.500)	(3.463.119.636)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	938.493.160	1.045.776.187
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(629.302.340)	(2.417.343.449)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	30.954.698.540	6.511.494.005
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(30.954.698.540)	(6.511.494.005)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36 20,21	(7.364.929.000)	(7.366.619.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(7.364.929.000)	(7.366.619.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(41.715.373.130)	24.838.385.821
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60 5	57.444.947.316	32.606.762.436
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(113.617)	(200.941)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70 5	15.729.460.569	57.444.947.316



Tổng Giám đốc

Tư Trung Đan

Kế toán trưởng

Huyền Thị Bích Hạnh

Người lập biểu

Võ Thị Ngọc Hoanh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1 Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh) theo Quyết định số 6500/QĐ-UBND ngày 23/12/2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004971 ngày 04/07/2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 12 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 18/10/2017 với mã số doanh nghiệp là 0301325347.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 21/12/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 63/TTGDHN – ĐKGD ngày 06/12/2006 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là STC.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và thương mại.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất và cung ứng các thiết bị trường học và đồ dùng dạy học;
- Mua bán sách giáo khoa; Mua bán tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự và an toàn xã hội), dụng cụ thể dục thể thao (trừ kinh doanh súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ);
- In sách giáo khoa học sinh và các loại ấn phẩm nhà trường; In nhãn hiệu bao bì;
- Sản xuất tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ (không chế biến gỗ, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn; xi mạ điện; tái chế phế thải tại trụ sở);
- Sản xuất đồ chơi trẻ em;
- Sản xuất phim video;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Mua bán thiết bị nghe nhìn, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm vi tính;
- Giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Đào tạo nghề;
- Cho thuê văn phòng;
- Giáo dục mầm non.

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có 1 Công ty con và 3 đơn vị trực thuộc:

- Công ty con: Công ty Cổ phần Giáo dục An Đông
- Các đơn vị trực thuộc:
 - ✓ Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh - Xí nghiệp đồ dùng dạy học;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- ✓ Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (Tại Khu Công nghiệp Sóng Thần 3 - Bình Dương);
- ✓ Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (Tại 104/5 Mai Thị Lựu, Phường Đa Kao; Quận 1; TP. Hồ Chí Minh).

1.5 Sự kiện quan trọng xảy ra trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của doanh nghiệp

Năm 2021 là năm mà Việt Nam chịu sự ảnh hưởng nặng nề bởi Đại dịch Covid-19. Chính phủ đã áp dụng nhiều biện pháp mạnh để ngăn chặn đại dịch như: hạn chế đi lại, kiểm soát biên giới, giãn cách xã hội,... Do đó tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp đều bị ảnh hưởng. Là doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh chính tại Thành phố Hồ Chí Minh – nơi tâm dịch - Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá tác động của Covid-19 đến hoạt động kinh doanh của Công ty và từ đó xây dựng, áp dụng các kế hoạch phù hợp để kiểm soát tình hình, giảm thiểu các tác động tiêu cực và đảm bảo cho hoạt động kinh doanh của Công ty được ổn định.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty hiện có công ty con; Theo các quy định hiện hành, Công ty cần lập đồng thời Báo cáo tài chính năm 2021 của riêng Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất. Người sử dụng Báo cáo này nên đọc Báo cáo tài chính này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi công ty giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch. Riêng các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Mỗi quan hệ là công ty con thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư

Các khoản đầu tư vào công ty con và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty con được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty. Riêng khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.4 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 44
Máy móc, thiết bị	5 – 7
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5

4.7 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	3

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Chính sách khấu hao bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cố định cùng loại của Công ty. Theo đó, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	29,5

4.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty :

- Tiền thuê đất và các chi phí liên quan đến đất thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê;
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa không quá 3 năm;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa không quá 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.10 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.11 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.14 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.15 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.16 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.17 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.18 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.19 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.20 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng: Sách giáo khoa và các loại sách tham khảo hỗ trợ sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế; Các loại sách khác và thiết bị văn phòng, dụng cụ học tập chịu thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp
 - ✓ Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động đối với phần thu nhập của doanh nghiệp có được trong lĩnh vực xã hội hóa (Sản xuất và cung ứng thiết bị trường học, đồ dùng dạy học). Ưu đãi trên được thực hiện theo Công văn số 1294/TCT-CS của Tổng cục Thuế ngày 15/4/2011 về việc trả lời Công văn số 245/STB-10 ngày 29/12/2010 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh.
 - ✓ Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% đối với các hoạt động khác.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021	01/01/2021
Tiền mặt	326.264.134	44.096.707
Tiền gửi ngân hàng	15.403.196.435	12.348.905.514
Các khoản tương đương tiền	-	45.051.945.095
Cộng	15.729.460.569	57.444.947.316

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2021	01/01/2021
Công ty TNHH Cơ khí Vận Tải Bình Dương	10.356.112.993	921.334.961
Các đối tượng khác	75.621.093.269	39.525.042.590
Cộng	85.977.206.262	40.446.377.551

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong đó: phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2021	01/01/2021
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung công ty đầu tư	3.605.029.000	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Chung công ty đầu tư	1.795.161.155	666.724.156
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư	1.197.597.549	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung công ty đầu tư	1.104.319.242	-
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Chung công ty đầu tư	915.385.229	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Chung công ty đầu tư	775.030.825	3.213.515.107
Công ty CP Sách Thiết bị Trường học TP. Cần Thơ	Chung công ty đầu tư	641.537.308	151.070.798
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	Chung công ty đầu tư	467.489.482	569.858.975
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Chung công ty đầu tư	455.296.015	1.255.692.822
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư	200.669.699	177.445.288
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	173.574.102	2.446.901.190

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Công ty TNHH MTV Thiết kế và Xây dựng Gia Nguyên	155.750.000	218.750.000
Các đối tượng khác	131.768.480	1.225.580.652
Cộng	287.518.480	1.444.330.652

Trong đó: Trả trước cho người bán ngắn hạn là bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2021	01/01/2021
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung Công ty đầu tư	-	668.049.152

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	-	-	73.584.140	-
Phải thu khác	9.837.457	-	7.401.935	-
Cộng	9.837.457	-	80.986.075	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2021	01/01/2021
Dự phòng các khoản phải thu quá hạn:		
- Từ 3 năm trở lên	(264.270.764)	(292.384.754)
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	(70.851.534)	(222.069.218)
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	-	(51.841.318)
Cộng	(335.122.298)	(566.295.290)

10. Hàng tồn kho

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	11.294.327.138	(4.291.600)	8.696.297.216	-
Chi phí SX, KD dở dang	3.696.190.083	-	2.818.255.689	-
Thành phẩm	18.165.523.598	(607.038.569)	11.026.223.846	(115.128.901)
Hàng hóa	54.472.852.922	(1.935.292.711)	19.713.973.279	(593.055.641)
Cộng	87.628.893.741	(2.546.622.880)	42.254.750.030	(708.184.542)

- Giá trị hàng tồn kho chậm tiêu thụ tại 31/12/2021 là 2.962.467.440 đồng;
- Tại thời điểm 31/12/2021 không có hàng tồn kho cầm cố, thế chấp các khoản nợ phải trả.

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	37.590.869.317	11.135.766.399	9.929.796.363	1.318.641.780	59.975.073.859
Mua sắm trong năm	-	1.864.000.000	250.000.000	225.695.500	2.339.695.500
Giảm do thanh lý	-	-	-	-	-
Số cuối năm	37.590.869.317	12.999.766.399	10.179.796.363	1.544.337.280	62.314.769.359
Khấu hao					
Số đầu năm	15.188.187.322	9.544.876.664	4.980.589.225	1.089.415.131	30.803.068.342
Khấu hao trong năm	1.165.275.240	740.016.586	1.261.643.462	139.369.937	3.306.305.225
T/lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối năm	16.353.462.562	10.284.893.250	6.242.232.687	1.228.785.068	34.109.373.567
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	22.402.681.995	1.590.889.735	4.949.207.138	229.226.649	29.172.005.517
Số cuối năm	21.237.406.755	2.714.873.149	3.937.563.676	315.552.212	28.205.395.792

- Không có TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ phải trả tại ngày 31/12/2021;
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 15.238.390.603 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm website	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	30.000.000	666.540.000	696.540.000
Mua trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	30.000.000	666.540.000	696.540.000
Khấu hao			
Số đầu năm	30.000.000	189.066.997	219.066.997
Khấu hao trong năm	-	222.179.988	222.179.988
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	30.000.000	411.246.985	441.246.985
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	477.473.003	477.473.003
Số cuối năm	-	255.293.015	255.293.015

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 30.000.000 đồng.

13. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa, vật kiến trúc
Nguyên giá	
Số đầu năm	7.974.362.168
Tăng trong năm	-
Giảm trong năm	-
Số cuối năm	7.974.362.168
Khấu hao lũy kế	
Số đầu năm	1.212.068.181
Khấu hao trong năm	270.317.364
Giảm trong năm	-
Số cuối năm	1.482.385.545
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	6.762.293.987
Số cuối năm	6.491.976.623

Bất động sản đầu tư là 1 phần của tòa nhà tại số 780 Nguyễn Kiệm, sử dụng để cho Công ty Cổ phần Giáo dục An Đông (Công ty con) thuê làm cơ sở dạy học.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2021	01/01/2021
Tư vấn pháp lý quyền sử dụng đất tại 223 Nguyễn Tri Phương	300.000.000	300.000.000
Tư vấn pháp lý công trình 104/5 Mai Thị Lựu	-	400.000.000
Tư vấn xây dựng hệ thống thang băng lương	203.636.364	203.636.364
Tư vấn xây dựng hệ thống định mức lao động cho xí nghiệp	90.000.000	-
Cộng	593.636.364	903.636.364

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2021				01/01/2021				
	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con									
- Công ty CP Giáo dục An Đông	Đang hoạt động	52,77%	52,77%	276.000	2.760.000.000	-	276.000	2.760.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác									
- Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Đang hoạt động	4,77%	4,77%	49.000	490.000.000	-	49.000	490.000.000	-
Cộng					3.250.000.000	-		3.250.000.000	-

Công ty đã nhận được Báo cáo tài chính năm 2021 của các Công ty nhận đầu tư với vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Do đó, các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, không trích lập dự phòng.

Do cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của cổ phiếu này tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán; Do đó, Công ty không xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	444.334.901	565.489.715
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	307.969.156	451.307.040
Cộng	752.304.057	1.016.796.755

b. Dài hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	344.712.510	410.471.628
Chi phí thuê đất trả trước tại KCN Sóng Thần (*)	6.629.903.955	6.819.329.787
Sửa chữa 104/5 Mai Thị Lựu	1.934.747.659	2.121.599.719
Sửa chữa nhà 223 Nguyễn Tri Phương	37.178.267	245.621.077
Sửa chữa nhà kho tại Bình Dương	297.690.820	65.805.798
Chi phí trả trước dài hạn khác	121.615.956	109.234.234
Cộng	9.365.849.167	9.772.062.243

(*) Thuê 20.606 m² đất tại KCN Sóng Thần, Bình Dương với thời hạn thuê từ ngày 26/12/2006 đến 31/12/2055.

17. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	830.019.394	1.391.710.334
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	835.436.274	-
Các đối tượng khác	51.426.472.612	30.259.177.828
Cộng	53.091.928.280	31.650.888.162

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2021	01/01/2021
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung công ty đầu tư	835.436.274	-
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty đầu tư	830.019.394	1.391.710.334
Công ty CP Sách Dân Tộc	Chung công ty đầu tư	25.641.965	78.462.925
Công ty CP Mỹ thuật và Truyền thông	Chung công ty đầu tư	22.306.458	111.274.220
Công ty CP Học Liệu	Chung công ty đầu tư	-	63.963.200
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung công ty đầu tư	-	106.936.909
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Công ty nhận đầu tư	-	114.740.100
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư	-	3.350.120.272

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm	
	Phải trả	Phải thu			Phải trả	Phải thu
Thuế GTGT	856.873.205	-	2.619.591.685	1.496.956.652	1.979.508.238	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	73.119.958	-	2.142.259.338	1.282.917.710	932.461.586	-
Thuế thu nhập cá nhân	906.193.412	-	2.888.554.164	2.801.574.146	993.173.430	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	6.795.180.046	5.846.507.208	948.672.838	-
Thuế môn bài	-	-	9.000.000	9.000.000	-	-
Cộng	1.836.186.575	-	14.454.585.233	11.436.955.716	4.853.816.092	-

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Trích trước chi phí bán hàng	5.547.775.422	5.014.721.672
Chi phí phải trả khác	-	70.000.000
Cộng	5.547.775.422	5.084.721.672

20. Phải trả khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	129.000.000	241.000.000
Cổ tức phải trả	17.937.557	17.677.557
Thù lao hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	642.700.000	379.223.400
Các khoản phải trả khác	34.930.965	-
Cộng	824.568.522	637.900.957

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Dài hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	23.500.000	-
Cộng	23.500.000	-

21. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2020	56.655.300.000	13.761.696.224	6.476.325.962	30.641.162.779	7.365.189.000
Tăng trong năm	-	-	-	5.387.552.114	17.003.654.819
Giảm trong năm	-	-	-	-	17.003.654.819
Số dư tại 31/12/2020	56.655.300.000	13.761.696.224	6.476.325.962	36.028.714.893	7.365.189.000
Số dư tại 01/01/2021	56.655.300.000	13.761.696.224	6.476.325.962	36.028.714.893	7.365.189.000
Tăng trong năm	-	-	-	5.562.271.921	18.741.686.001
Giảm trong năm	-	-	-	-	18.175.133.001
Số dư tại 31/12/2021	56.655.300.000	13.761.696.224	6.476.325.962	41.590.986.814	7.931.742.000

b. Cổ phiếu

	31/12/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.665.530	5.665.530
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu phổ thông	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu phổ thông	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	7.365.189.000	7.365.189.000
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp kỳ này	18.741.686.001	17.003.654.819
Phân phối lợi nhuận	18.175.133.001	17.003.654.819
- Phân phối lợi nhuận kỳ trước (*)	7.365.189.000	7.365.189.000
+ Chia cổ tức	7.365.189.000	7.365.189.000
- Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	10.809.944.001	9.638.465.819
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	5.562.271.921	5.387.552.114
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.310.587.780	3.400.730.964
+ Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	937.084.300	850.182.741
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	7.931.742.000	7.365.189.000

(*) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020 được phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 28/04/2021.

d. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 28/04/2021 đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2020 bằng tiền với tỷ lệ 13%, tương ứng 7.365.189.000 đồng. Theo đó, Công ty đã chi trả số cổ tức này trong năm 2021.

22. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ	31/12/2021 USD	01/01/2021 USD
Tiền gửi ngân hàng	324,62	324,62

23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021	Năm 2020
Doanh thu bán sách và sản phẩm in	212.231.478.796	218.609.180.578
Doanh thu thiết bị giáo dục	293.918.796.077	243.880.617.752
Doanh thu khác	6.984.741.459	8.404.531.348
Cộng	513.135.016.332	470.894.329.678

24. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2021	Năm 2020
Hàng bán bị trả lại	7.170.406.645	1.806.863.060
Cộng	7.170.406.645	1.806.863.060

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. Giá vốn hàng bán

	Năm 2021	Năm 2020
Giá vốn sách và sản phẩm in	193.716.238.686	195.968.467.323
Giá vốn thiết bị giáo dục	197.044.015.956	160.818.845.603
Giá vốn khác	5.963.462.098	7.602.691.931
Trích lập/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.838.438.338	(135.608.348)
Cộng	398.562.155.078	364.254.396.509

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	392.109.020	591.732.831
Cổ tức, lợi nhuận được chia	472.800.000	472.800.000
(Hoàn nhập)/ Chiết khấu thanh toán nhận được	18.214.785	347.251.551
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	199.112
Cộng	883.123.805	1.411.983.494

27. Chi phí tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
Lãi tiền vay	241.827.959	19.491.780
Lãi mua hàng trả chậm	177.810.111	-
(Hoàn nhập)/ Chiết khấu thanh toán nhanh	-	(3.000.000)
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	5.880
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ	113.617	200.941
Cộng	419.751.687	16.698.601

28. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm

	Năm 2021	Năm 2020
Tiền lương, các khoản trích theo lương	31.725.293.419	22.094.888.863
Khấu hao TSCĐ	561.106.209	552.539.600
Chi phí vận chuyển	3.881.173.042	4.458.409.073
Tiền thuê đất	3.475.771.394	4.950.367.128
Các khoản khác	13.353.929.097	17.089.716.322
Cộng	52.997.273.161	49.145.920.986

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

	Năm 2021	Năm 2020
Tiền lương, trích theo lương	20.508.696.855	25.220.833.354
Khấu hao TSCĐ	1.553.095.330	1.125.186.937
Thù lao HĐQT	963.000.000	887.000.000
Tiền thuê đất	1.653.616.987	702.170.868
Các khoản khác	10.073.752.806	10.819.900.117
Cộng	34.752.161.978	38.755.091.276

29. Thu nhập khác

	Năm 2021	Năm 2020
Xử lý chênh lệch kiểm kê hàng tồn kho	163.123.469	361.023.911
Các khoản khác	630.517.756	212.191.404
Cộng	793.641.225	573.215.315

30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021	Năm 2020
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	20.883.945.339	18.898.315.271
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	20.500.740.219	25.493.434.352
- Hoạt động không được ưu đãi	383.205.120	(6.595.119.081)
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	125.231.811	48.289.244
Điều chỉnh tăng	598.031.811	521.089.244
- Chi phí không được trừ	597.918.194	520.888.303
- Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư tiền gửi	113.617	200.941
Điều chỉnh giảm (Cổ tức được chia)	472.800.000	472.800.000
Tổng thu nhập chịu thuế	21.009.177.150	18.946.604.515
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	20.595.760.926	25.598.518.975
- Hoạt động không được ưu đãi	413.416.224	(6.651.914.460)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.142.259.338	1.894.660.452
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa (10%)	2.059.576.093	1.894.660.452
- Hoạt động không được ưu đãi	82.683.245	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.142.259.338	1.894.660.452
Trong đó:		
Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	2.142.259.338	1.894.660.452
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	37.489.252.183	36.579.758.200
Chi phí nhân công	69.007.034.653	61.977.998.502
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.798.802.577	3.584.746.116
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.648.551.911	28.356.600.948
Chi phí khác bằng tiền	13.095.886.277	13.990.423.024
Cộng	148.039.527.601	144.489.526.790

32. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về tỷ giá, rủi ro về giá và rủi ro về lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về tỷ giá và giá.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Công ty ít phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ. Giao dịch ngoại tệ chủ yếu tại Công ty là thanh toán nợ do nhập khẩu thiết bị. Do đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá Công ty ít chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Để quản lý rủi ro về tỷ giá, Công ty duy trì các biện pháp như tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai.

Giá trị ghi sổ của tài sản tài chính có gốc ngoại tệ như sau:

	31/12/2021	01/01/2021
	USD	USD
Tiền gửi ngân hàng	324,62	324,62

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa chủ yếu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của nguyên vật liệu, hàng hóa mua vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã áp dụng chính sách ký hợp đồng nguyên tắc với các nhà cung cấp truyền thống đồng thời đa dạng hóa các nguồn cung cấp của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty phần lớn là doanh nghiệp trong nước hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, đặc biệt là các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và các trường học có nguồn kinh phí chủ yếu từ ngân sách Nhà nước. Do đó Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro tín dụng với khách hàng của Công ty ở mức thấp. Để quản lý rủi ro tín dụng, Công ty đã duy trì chính sách nhận tiền đặt cọc của khách hàng ngay sau khi ký hợp đồng hoặc yêu cầu khách hàng thanh toán trước khi nhận hàng, khách hàng lẻ mua tại cửa hàng phải thanh toán khi nhận hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	53.091.928.280	-	53.091.928.280
Chi phí phải trả	5.547.775.422	-	5.547.775.422
Phải trả khác	824.568.522	23.500.000	848.068.522
Cộng	59.464.272.224	23.500.000	59.487.772.224
01/01/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	31.650.888.162	-	31.650.888.162
Chi phí phải trả	5.084.721.672	-	5.084.721.672
Phải trả khác	637.900.957	-	637.900.957
Cộng	37.373.510.791	-	37.373.510.791

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không rủi ro thanh khoản và tin tưởng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.729.460.569	-	15.729.460.569
Phải thu khách hàng	85.642.083.964	-	85.642.083.964
Đầu tư tài chính	-	490.000.000	490.000.000
Phải thu khác	9.837.457	12.000.000	21.837.457
Cộng	101.381.381.990	502.000.000	101.883.381.990

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

01/01/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	57.444.947.316	-	57.444.947.316
Phải thu khách hàng	39.880.082.261	-	39.880.082.261
Đầu tư tài chính	-	490.000.000	490.000.000
Phải thu khác	80.986.075	12.000.000	92.986.075
Cộng	97.406.015.652	502.000.000	97.908.015.652

33. Các cam kết thuê hoạt động

Đến thời điểm 31/12/2021, Công ty có các cam kết thuê hoạt động như sau:

- ✓ Hợp đồng thuê đất số 2490/HĐ-TNMT-QLSĐĐ ngày 24/03/2016 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 2.182,4 m² đất tại 104/5 Mai Thị Lựu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh; tiền thuê đất trả hàng năm; Thời gian thuê: 50 năm;
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 31/HĐTĐ/ST3 ngày 26/12/2006 về việc thuê 20.606 m² đất ở KCN Sóng Thần, Bình Dương với thời hạn thuê từ ngày 26/12/2006 đến 31/12/2055;
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 5109/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 26/06/2008 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 1.649 m² đất tại 122 Phan Văn Trị, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh để xây dựng phân xưởng mộc – nay là Xí nghiệp đồ dùng dạy học và cửa hàng kinh doanh; tiền thuê đất trả hàng năm;
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 6170/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 21/08/2009 với Sở Địa chính Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 2.875 m² đất tại 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh để làm văn phòng làm việc, văn phòng cho thuê, cửa hàng kinh doanh và nhà trưng bày sản phẩm; thời gian thuê: 50 năm; tiền thuê đất trả hàng năm;
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 8651/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 27/11/2009 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 1.423 m² đất tại 780 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh để xây dựng phân xưởng cơ khí và sơn tĩnh điện (là Xí nghiệp thiết bị trường học, nay đã chuyển về Khu công nghiệp Sóng Thần, hiện tại diện tích đất này đang được sử dụng làm cửa hàng kinh doanh); tiền thuê đất trả hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

34. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

<u>Công ty liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học liệu	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Dân Tộc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Mỹ thuật và Truyền thông	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Công ty nhận đầu tư
Công ty CP Giáo dục An Đông	Công ty con
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Tiền Giang	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Vĩnh Long	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Thiết bị Trường học TP. Cần Thơ	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Chung công ty đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Giao dịch	Nội dung	Năm 2021	Năm 2020
Mua hàng			
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Phí nhãn hiệu	51.504.818	51.504.818
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Phí quản lý, tem, khác	2.254.850.541	1.600.373.576
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Sách giáo khoa, Sách tham khảo	71.597.620.495	92.880.404.174
Công ty CP Học liệu	Băng đĩa GD	58.437.500	211.309.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Sách bài tập, Sách tham khảo, VHP	121.349.618.515	73.917.071.854
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Bản đồ	704.224.000	1.117.000.156
Công ty CP Sách Dân Tộc	Sách tham khảo	61.179.040	123.149.350
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Sách tham khảo	510.000	15.831.628.636
Công ty CP Mỹ thuật và Truyền thông	Sách tham khảo	82.219.816	184.274.220
Bán hàng			
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Thiết bị	-	61.640.998
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Sách, thiết bị	5.916.779	31.168.566
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Sách, thiết bị	18.750.113.034	11.065.320.350
Công ty CP Học liệu	Thiết bị	560.418.096	13.889.074
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Sách, thiết bị, đĩa	28.461.709.664	14.305.328.437
Công ty CP Giáo dục An Đông	Sách, thiết bị, mặt bằng	4.991.397.454	5.052.254.976
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	Thiết bị	906.983.100	848.169.444
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	Thiết bị	1.797.119.697	2.192.292.687
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Thiết bị	8.162.419.782	4.406.002.825
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Thiết bị	2.037.411.387	3.268.029.257
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Thiết bị	5.812.021.566	7.703.165.227
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Thiết bị	7.107.398.198	9.492.533.318
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Thiết bị	5.040.882.730	2.273.713.651
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Thiết bị	4.842.514.119	3.953.447.456

c. Thù lao Hội đồng quản trị, tiền lương của ban Tổng Giám đốc

Thù lao Hội đồng quản trị	Chức vụ	Năm 2021	Năm 2020
Ông Nguyễn Chí Bính	Chủ tịch HĐQT	114.826.200	141.286.000
Ông Lê Huy	Chủ tịch HĐQT	-	22.319.000
Ông Đỗ Thành Lâm	TV HĐQT	76.550.300	94.190.600
Ông Trần Lê Quang	TV HĐQT	-	14.879.200
Ông Nguyễn Văn Cung	TV HĐQT	72.547.600	23.128.300
Ông Từ Trung Đan	TV HĐQT	76.550.300	91.364.900
Bà Huỳnh Thị Bích Hạnh	TV HĐQT	72.547.600	23.128.300
Bà Lê Thị Phương Hào	TV HĐQT	23.560.000	48.680.300
Ông Phan Xuân Hiến	TV HĐQT	23.560.000	48.680.300
Cộng		460.142.000	507.656.900

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tiền lương Ban Tổng Giám đốc

	Chức vụ	Năm 2021	Năm 2020
Ông Từ Trung Đan	Tổng Giám đốc	709.067.820	504.501.200
Bà Đỗ Thị Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	455.189.250	325.422.300
Ông Phan Xuân Hiến	Phó Tổng Giám đốc	526.858.350	376.987.700
Bà Huỳnh Thị Bích Hạnh	Kế toán trưởng	455.252.850	333.115.200
Cộng		2.146.368.270	1.540.026.400

35. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

36. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi AAC.



Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Từ Trung Đan

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Võ Thị Ngọc Hoanh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2022

MINH * HINH